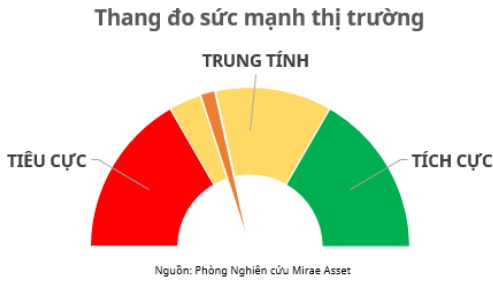


21 Tháng Một 2022

# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)



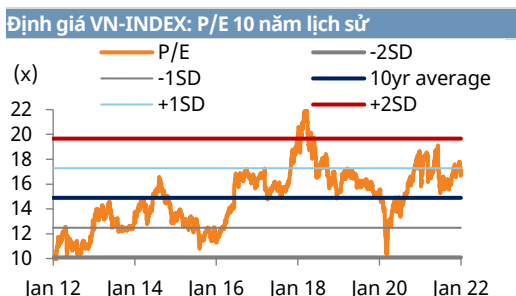
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,472.89	-1.55	-0.40	26.51
HNX	417.84	-10.50	-8.17	73.90
UPCOM	109.68	-2.27	-1.52	41.59
MSCI EM	1,255.74	-0.14	4.33	-10.69
NIKKEI	27,522.26	-2.14	-3.49	-4.29
HANG SENG	24,965.55	2.39	8.68	-16.58
KOSPI	2,834.29	-3.00	-4.73	-10.33
FTSE	7,505.91	-0.49	2.86	11.77
S&P 500	4,482.73	-5.15	-3.58	16.34
NASDAQ	14,154.02	-6.81	-7.74	4.61

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.06	2.69	16.04
SET INDEX	15.05	1.76	7.78
JCI INDEX	25.21	2.23	7.86
PCOMP INDEX	24.04	1.79	7.69

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.89	-3	6	-13
10 năm	2.08	-1	-2	-9

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,628	0.37	1.21	1.97
US\$/KRW	1,194	-0.57	-0.13	-8.02
US\$/JPY	114	0.20	0.12	-9.18
US\$/EUR	0.88	0.70	-0.44	7.34
US\$/GBP	0.74	0.78	-2.23	1.21
US\$/SGD	1.35	0.16	1.38	-1.69

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	945	1,186	904
HNX	93	143	130
UPCOM	85	89	68



## Nhận định thị trường

### Hồi phục sau hoảng loạn

Tuần 17 - 21/01 tiếp tục là 1 tuần giảm điểm của VN-Index khi chỉ số đã chốt phiên tại 1.472,89, giảm 23,13 điểm (-1,55%) so với mức đóng cửa tuần trước. Dù giảm điểm nhưng VN-Index đã ghi nhận diễn biến hồi phục trong 3 phiên cuối tuần, diễn biến này có tính chất quan trọng, tác động tích cực đến tâm lý NĐT. Trong diễn biến hồi phục trên, các cổ phiếu đã giảm mạnh, mất thanh khoản trong các phiên trước đã dần được "giải cứu" giúp NĐT bớt hoang mang và có thể chủ động trong việc cơ cấu danh mục của bản thân.

Dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tích cực đến VN-Index trong tuần là 3 mã Ngân hàng: VCB, BID và MBB, tổng cộng 3 mã này đã giúp chỉ số tăng 13,7 điểm. Tuy nhiên chiều ảnh hưởng tiêu cực dù mức độ ảnh hưởng của những mã dẫn đầu ít hơn như GVR (-3,5 điểm), HPG (-3,5 điểm) và VHM (-3,4 điểm) nhưng do nhiều midcap giảm sâu như GEX, DIG, FLC, DGW... đã kéo giảm chỉ số.

Khối ngoại trở lại bán ròng với giá trị gần 5.000 tỷ đồng trong tuần, gần như toàn bộ giá trị bán ròng này đến từ giao dịch thỏa thuận cổ phiếu MSN trong phiên ngày 19/0, riêng MSN đã bị khối ngoại bán ra gần 4.700 tỷ đồng trong phiên này. Tiếp theo MSN là HPG và NVL với giá trị bán ròng lần lượt 213 tỷ đồng và 204 tỷ đồng. Chiều mua ròng, VNM được khối này mua vào nhiều nhất với giá trị 150 tỷ đồng.

Xu hướng ngắn hạn của VN-Index vừa thoát khỏi diễn biến giảm điểm và chuyển sang đi ngang. Sau nhịp giảm sốc, tâm lý NĐT có thể vẫn còn đang có phần lo ngại, thêm vào đó là việc thị trường sắp bước vào giai đoạn nghỉ Tết âm lịch dài ngày là yếu tố sẽ khiến NĐT thận trọng hơn. Chỉ số đang gặp kháng cự tại ngưỡng MA 10 ngày (1.477) và khả năng kháng cự này sẽ gây khó khăn cho nhịp hồi phục của chỉ số trong tuần sau. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-2 (TRUNG TÍNH)**. Mức P/E của VN-Index đang ở mức 17,06 lần.

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [phuong.pb@miraeeasset.com.vn](mailto:phuong.pb@miraeeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	<b>KHẢ QUAN</b>
Shanghai Composite	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-7	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**Thị trường trái phiếu:**

- Trong tuần KBNN đã huy động thành công 6.250 tỷ đồng, tương đương 83,3% tổng lượng gọi thầu bao gồm đấu thầu lần đầu và đấu thầu bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giữ nguyên mức 2,3 lần của tuần trước. Kết quả chi tiết như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,08% (+0 bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.000/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,36% (+0 bps); (3) Kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 750/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,75% (+0 bps) và (4) kỳ hạn 30 năm phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,96% (+0 bps).
- Tuần sau vào ngày 26/01 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (3) Kỳ hạn 30 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

**Thị trường tiền tệ:**

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 19/01, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn O/N và 6 tháng đã giảm lần lượt về các mức 0,98% (-11 bps) và 2,58% (-81 bps). Chiều ngược lại, các kỳ hạn 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng đã ghi nhận các mức tăng lần lượt +8 bps, +9 bps, +5 bps, +8 bps lên các mức 1,62%, 1,8%, 2,2% và 2,57%
- **Tỷ giá VND/USD của NHNN** tại ngày 21/01 đã giảm 0,022% so với cuối tuần trước về mức 23.077 VND/USD. Tỷ giá NHTM cũng ghi nhận mức giảm lần lượt 0,311% tại chiều mua và 0,306% ở chiều bán về mức 22.470 – 22.780 VND/USD. Trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.480 – 23.530, giảm lần lượt 0,17% ở chiều mua và 0,085% ở chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

# Phân tích kỹ thuật

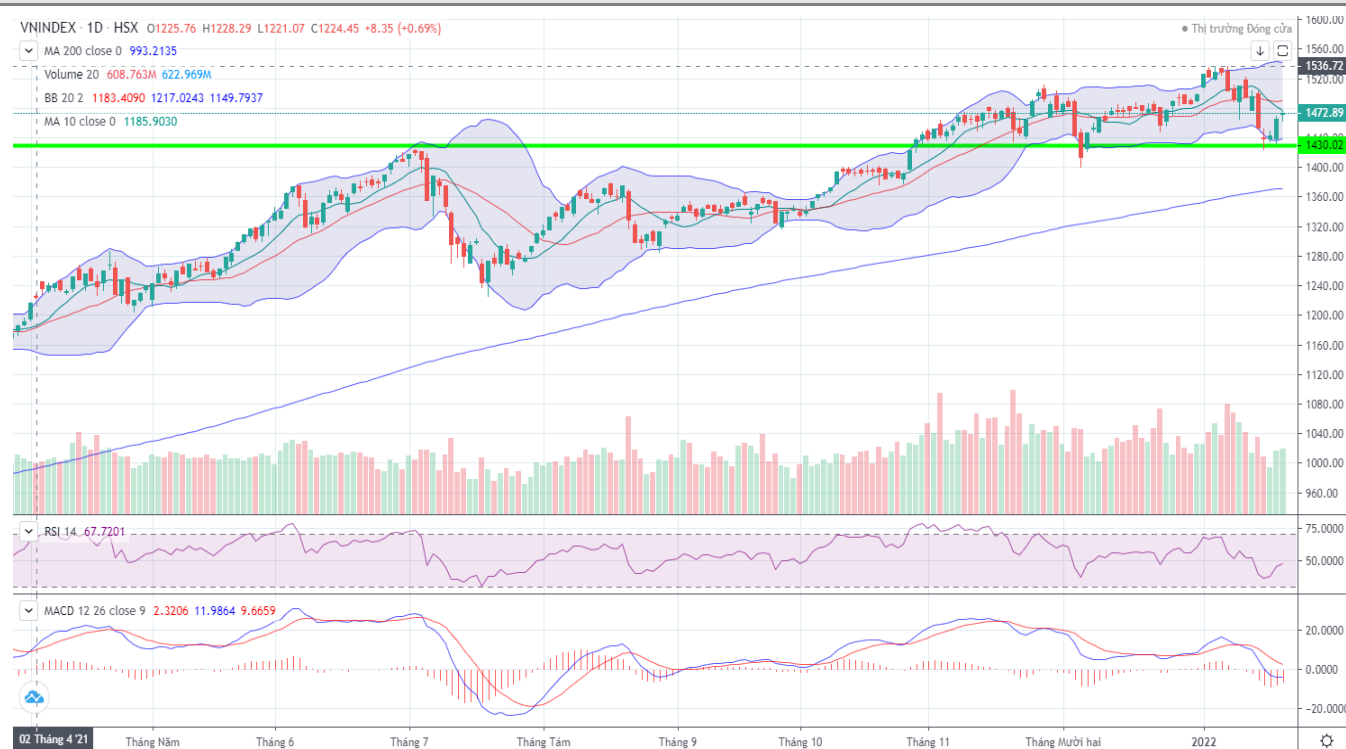
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	4	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (21/01/2022)	1.472,89	Kháng cự 1	<b>1.477</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	<b>Đi ngang</b>	Kháng cự 2	<b>1.500</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	<b>Đi ngang</b>	Hỗ trợ 1	<b>1.430</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	<b>Tăng</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.380</b>

Sau nhịp giảm điểm, VN-Index đang trong xu hướng hồi phục, trong ngắn hạn chỉ số đang gặp kháng cự tại MA 10 ngày (1.477). Xu hướng ngắn hạn sau khi hồi phục từ ngưỡng 1.430 đã chuyển từ Giảm sang Đi ngang. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-2 (TRUNG TÍNH)**

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

## Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (21/01/2022)	1,498.9	Kháng cự 1 <b>1.600</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.523	Hỗ trợ 1 <b>1.500</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-3,26</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.480</b>

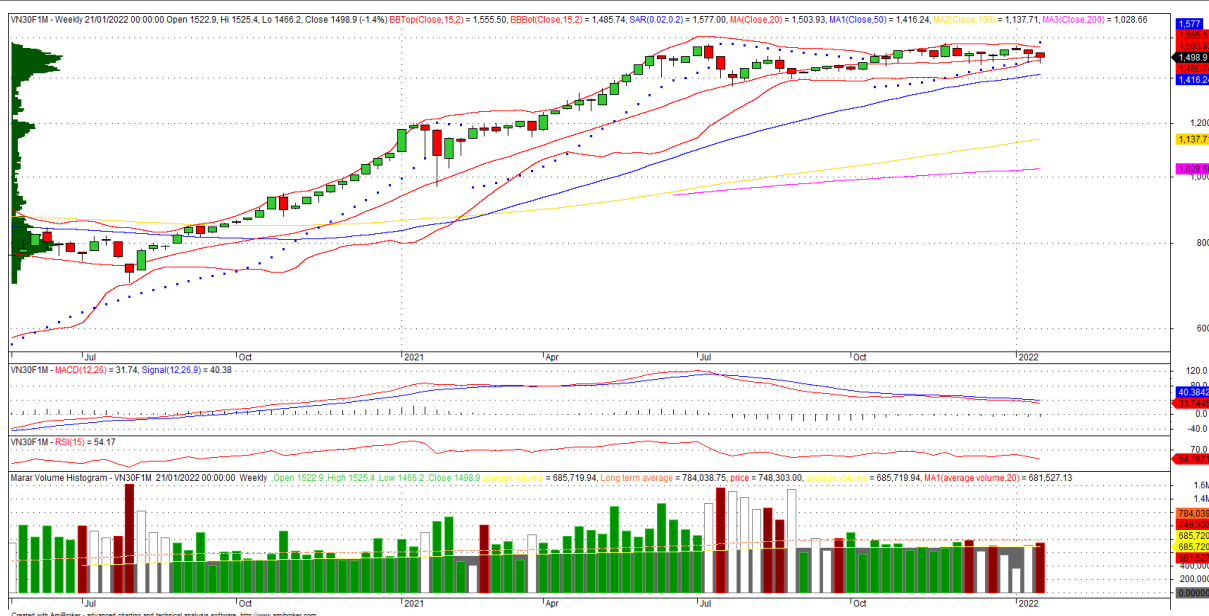
  

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
<b>VN30F1M (chart 15 phút)</b>	6	<b>KHẢ QUAN</b>
<b>VN30F1M (chart 60 phút)</b>	2	TRUNG TÍNH
<b>VN30F1M (chart ngày)</b>	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M hiện đang tích lũy và kiểm định ngưỡng kháng cự quanh MA 100 ngày, đồng thời tuần sau cũng là tuần giao dịch cuối trước phiên nghỉ lễ dài sau đó, Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên dừng ngoài theo dõi và không tham gia mở vị thế mới.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
<b>+ Short</b>	n/a	<b>+ Long</b>	n/a
<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a	<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a
<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a	<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
<b>MBB</b>	Ngân hàng	31,800	14,037,800	<b>99</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
<b>VCB</b>	Ngân hàng	89,200	1,404,795	<b>99</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
<b>GIL</b>	Dệt may	69,500	359,590	<b>96</b>	7	
<b>BID</b>	Ngân hàng	47,350	3,987,855	<b>90</b>	7	<b>Top sức mạnh ngành</b>
<b>PVD</b>	Dầu khí	33,850	8,791,200	<b>86</b>	5	<b>Top sức mạnh ngành</b>

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
CTG	35.55	12,939,250	7	<b>KHẢ QUAN</b>	170,844	10.3	1.8	460
MBB	31.8	14,037,800	7	<b>KHẢ QUAN</b>	120,151	10.8	2.1	446
PVS	29.5	8,154,406	7	<b>KHẢ QUAN</b>	14,100	24.9	1.1	241
BID	47.35	3,987,855	7	<b>KHẢ QUAN</b>	239,521	24.3	2.9	189
VCB	89.2	1,404,795	7	<b>KHẢ QUAN</b>	422,140	20.0	3.9	125
DBC	76.4	1,199,745	7	<b>KHẢ QUAN</b>	8,804	9.0	1.8	92
PVD	33.85	8,791,200	5	<b>KHẢ QUAN</b>	14,255	377.1	1.1	298
BSR	25	10,601,484	5	<b>KHẢ QUAN</b>	77,512	#N/A N/A	2.5	265
VPI	60	1,330,670	4	<b>KHẢ QUAN</b>	13,200	41.9	4.6	80
DGC	148	772,910	2	<b>TRUNG TÍNH</b>	25,320	11.3	4.2	114
GAS	108	975,740	2	<b>TRUNG TÍNH</b>	205,558	25.1	4.2	105
KDC	54	1,931,165	2	<b>TRUNG TÍNH</b>	13,588	22.6	1.9	104
OIL	19.5	3,702,892	2	<b>TRUNG TÍNH</b>	20,167	#N/A N/A	2.1	72
ACB	33.45	4,544,825	1	<b>TRUNG TÍNH</b>	90,380	9.3	2.1	152
STB	34.6	32,157,496	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	65,228	18.5	2.0	1,113
TCB	49.8	8,318,470	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	174,844	10.0	2.0	414
MSN	151	2,731,710	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	178,261	74.3	8.3	412
VPB	34.3	10,566,470	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	152,480	12.3	2.4	362
PDR	89.8	3,713,860	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	44,251	23.9	6.3	334
HBC	31.5	10,145,575	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	7,636	75.3	2.1	320
HHV	26.8	10,285,460	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	7,166	#N/A N/A	#N/A N/A	276
LPB	21.7	7,125,130	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	26,118	8.9	1.6	155
FPT	88.2	1,277,300	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	80,046	19.8	4.7	113
TSC	20	5,352,580	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	2,953	26.2	1.7	107
PVX	7.8	11,057,630	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	3,120	#N/A N/A	14.9	86
SZC	71.1	1,173,220	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	7,110	23.6	4.9	83
BCG	22.7	3,498,420	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,131	7.9	2.4	79
L14	384.4	178,525	0	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,315	193.4	26.9	69
NLG	52.9	6,139,260	-2	<b>TRUNG TÍNH</b>	20,258	12.2	2.3	325
VRE	33.1	9,306,695	-2	<b>TRUNG TÍNH</b>	75,214	34.7	2.5	308
SHB	20.6	11,195,465	-2	<b>TRUNG TÍNH</b>	54,938	11.2	1.7	231

DPM	42.8	4,946,560	-2	TRUNG TÍNH	16,749	10.7	1.9	212
IDC	64.8	2,820,617	-2	TRUNG TÍNH	19,440	35.7	4.8	183
FCN	28.3	5,839,720	-2	TRUNG TÍNH	4,456	30.2	1.6	165
VCI	57.9	2,837,065	-2	TRUNG TÍNH	19,281	12.8	2.9	164
DCM	28.2	5,250,865	-2	TRUNG TÍNH	14,929	16.6	2.2	148
FIT	13.6	10,382,520	-2	TRUNG TÍNH	3,573	23.6	1.1	141
VIB	45.1	2,779,900	-2	TRUNG TÍNH	70,047	12.5	3.2	125
FRT	83	1,497,865	-2	TRUNG TÍNH	6,555	57.4	4.9	124
MWG	133.2	849,455	-2	TRUNG TÍNH	94,949	21.7	5.1	113
NBB	39.6	2,568,490	-2	TRUNG TÍNH	3,966	8.9	2.1	102
CTD	109.9	858,135	-2	TRUNG TÍNH	8,117	151.1	1.0	94
ART	11.1	6,672,827	-2	TRUNG TÍNH	1,076	31.1	1.0	74
APS	31.1	2,165,510	-2	TRUNG TÍNH	2,581	7.3	2.6	67
KLF	6.6	9,985,534	-2	TRUNG TÍNH	1,091	768.2	0.6	66
PLX	54.8	1,176,740	-2	TRUNG TÍNH	69,628	20.7	2.8	64
GMD	42	1,454,185	-2	TRUNG TÍNH	12,658	29.1	2.1	61
GEX	38.35	22,396,844	-4	TIÊU CỰC	32,655	24.2	2.8	859
SSI	44.55	13,212,255	-4	TIÊU CỰC	43,763	20.5	3.2	589
DIG	89.1	5,951,050	-4	TIÊU CỰC	44,540	50.7	7.5	530
VHM	79.4	6,480,030	-4	TIÊU CỰC	345,737	8.9	3.0	515
POW	16.65	28,798,764	-4	TIÊU CỰC	38,992	13.4	1.3	479
KBC	54.2	8,813,960	-4	TIÊU CỰC	30,881	31.8	2.0	478
VCG	48.5	9,811,840	-4	TIÊU CỰC	21,423	37.4	3.2	476
CEO	62.7	7,543,638	-4	TIÊU CỰC	16,135	#N/A N/A	5.8	473
HAG	13.65	32,816,100	-4	TIÊU CỰC	12,659	#N/A N/A	2.6	448
FLC	12.9	34,062,444	-4	TIÊU CỰC	9,159	6.0	1.0	439
VND	65.8	6,570,425	-4	TIÊU CỰC	28,619	13.0	3.3	432
DXG	33.8	10,426,945	-4	TIÊU CỰC	20,146	26.0	2.4	352
LDG	20.2	16,159,520	-4	TIÊU CỰC	4,837	159.1	1.5	326
TPB	40	7,710,125	-4	TIÊU CỰC	63,270	12.1	2.6	308
TCH	22.7	13,095,215	-4	TIÊU CỰC	15,169	18.7	1.6	297
ROS	9.05	31,324,490	-4	TIÊU CỰC	5,137	28.1	0.9	283
ITA	15.3	18,115,980	-4	TIÊU CỰC	14,356	87.0	1.3	277
SCR	20.55	13,260,570	-4	TIÊU CỰC	7,529	26.7	1.6	273
SHS	41	6,316,635	-4	TIÊU CỰC	13,336	10.0	2.9	259
HNG	10.35	22,063,730	-4	TIÊU CỰC	11,474	203.7	1.7	228
LCG	20.75	9,918,440	-4	TIÊU CỰC	3,577	10.3	1.6	206
NVL	80	2,515,925	-4	TIÊU CỰC	154,434	44.1	4.5	201
HQC	7.74	22,767,900	-4	TIÊU CỰC	3,689	875.9	0.9	176
VIX	26.8	5,693,860	-4	TIÊU CỰC	7,359	8.1	2.5	153
AAA	17.75	8,363,625	-4	TIÊU CỰC	5,794	16.8	1.2	148
IJC	28.9	4,915,985	-4	TIÊU CỰC	6,274	10.7	1.9	142
SBT	22.2	5,886,880	-4	TIÊU CỰC	13,967	20.8	1.7	131
KSB	44.3	2,908,975	-4	TIÊU CỰC	3,247	12.9	1.9	129
KDH	50.8	2,534,395	-4	TIÊU CỰC	32,661	27.4	3.3	129
HCM	38.1	3,367,950	-4	TIÊU CỰC	17,420	13.6	2.4	128
TTF	13.9	9,157,355	-4	TIÊU CỰC	4,326	#N/A N/A	#N/A N/A	127
VGT	24.6	5,096,273	-4	TIÊU CỰC	12,300	43.2	2.0	125

PAN	30.75	3,995,940	-4	TIÊU CỰC	6,424	30.3	1.7	123
GVR	32.4	3,303,470	-4	TIÊU CỰC	129,600	26.0	2.6	107
DLG	7.47	12,433,020	-4	TIÊU CỰC	2,236	#N/A N/A	1.0	93
VJC	122	731,790	-4	TIÊU CỰC	66,077	53.7	3.9	89
DRH	27.55	2,863,495	-4	TIÊU CỰC	1,663	95.2	2.0	79
SAM	20.75	3,521,625	-4	TIÊU CỰC	7,581	63.4	2.0	73
VGC	49.8	1,301,815	-4	TIÊU CỰC	22,328	23.5	3.4	65
PVT	21.8	2,925,075	-4	TIÊU CỰC	7,056	8.9	1.4	64
HHS	10.3	5,977,135	-4	TIÊU CỰC	3,311	18.6	0.9	62
JVC	9.06	6,771,445	-4	TIÊU CỰC	1,019	#N/A N/A	2.3	61
TNG	30.7	1,954,960	-4	TIÊU CỰC	2,846	13.3	2.0	60
ASM	15.6	3,833,555	-4	TIÊU CỰC	5,283	9.2	1.1	60
HSG	32.3	6,002,505	-5	TIÊU CỰC	15,939	3.8	1.5	194
NKG	32.6	3,678,450	-5	TIÊU CỰC	7,152	3.4	1.3	120
CTS	38.2	1,682,580	-5	TIÊU CỰC	4,064	13.6	2.5	64
CII	36.6	10,044,935	-6	TIÊU CỰC	8,746	3,090.8	1.8	368
VIC	95.5	2,370,140	-6	TIÊU CỰC	363,398	76.5	3.6	226
HDB	29.2	5,562,830	-6	TIÊU CỰC	58,757	10.4	2.1	162
VHG	10.2	11,338,728	-6	TIÊU CỰC	1,530	#N/A N/A	8.1	116
HPG	43.3	16,165,930	-7	TIÊU CỰC	193,678	6.1	2.3	700
VNM	82.6	1,891,235	-7	TIÊU CỰC	172,630	18.3	5.6	156

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Giá than tăng hơn 33% từ đầu năm, cao nhất gần 3 tháng

Giá than xuất tại cảng Newcastle, Australia ngày 20/1 ở mức 226 USD/tấn, tăng 1,3% so với ngày 19/1 và tăng 33,3% từ đầu năm tới nay. Đây là mức giá cao nhất gần 3 tháng.

Giá than nhiệt loại 5.500 kcal/kg tại Trung Quốc ngày 20/1 ở mức 991,3 nhân dân tệ/tấn (156,3 USD/tấn), cao hơn 2,6% so với ngày 19/1 và tăng 20,5% từ đầu năm tới nay.

Indonesia - nhà xuất khẩu than lớn nhất thế giới - đã đình chỉ xuất khẩu mặt hàng này vào ngày 1/1 sau khi Tổng Công ty điện lực PLN công bố mức tồn kho nhiên liệu tại các nhà máy điện trong nước ở mức thấp nguy hiểm. Động thái của Indonesia ảnh hưởng đến giá than thế giới.

### Goldman Sachs: Gắn bó với cổ phiếu là cách tốt nhất để đánh bại lạm phát

Goldman Sachs Asset Management khuyến nghị nhà đầu tư giữ vững niềm tin vào cổ phiếu. Trong báo cáo Investment Ideas 2022, Goldman khẳng định cổ phiếu đem lại cơ hội tốt nhất để vượt qua lạm phát.

Cổ phiếu theo chu kỳ - như tài chính, năng lượng và tài nguyên - đặc biệt thích hợp để hưởng lợi từ giá cả tăng. Những công ty này vượt trội so với số đông khi nền kinh tế đang tăng trưởng tốt, hay phục hồi từ khủng hoảng.

Goldman cũng yêu thích cổ phiếu trong những ngành như bất động sản và cơ sở hạ tầng, vì giá trị của hợp đồng thường tăng khi lạm phát đi lên. Công ty khuyến nghị nhà đầu tư chọn quỹ đầu tư chứng khoán theo phong cách chủ động thay vì đổ tiền vào quỹ chỉ số thường có chi phí rẻ hơn.

Theo Goldman, chứng khoán châu Âu, Nhật Bản và thị trường mới nổi có thể là những khoản đặt cược tốt, vì chúng hiện đang rẻ so với tiềm năng tăng trưởng. Triển vọng tương lai này khác với hiệu suất quá khứ: Trong 2021 chỉ số S&P 500 tăng 27%, chỉ số châu Âu MSCI đi lên 22%, còn chỉ số thị trường mới nổi MSCI sụt giảm 5%.

Năm nay, định giá cao của chứng khoán Mỹ đồng nghĩa với mức tăng có thể khiêm tốn hơn. Các doanh nghiệp ở thị trường mới nổi cũng thường có nhiều tiếp xúc với hàng hóa hơn, có thể giúp bảo vệ chống lại lạm phát.

Doanh nghiệp Trung Quốc vẫn có sức hấp dẫn bất chấp chiến dịch siết chặt quản lý của chính phủ đã cản đường tăng trưởng vào năm ngoái. Cam kết giảm khí thải carbon cũng như đổi mới trong lĩnh vực công nghệ và chăm sóc sức khỏe là những mặt tích cực cho thị trường Trung Quốc.

Báo cáo của Goldman viết: "Tiềm năng tăng trưởng của Trung Quốc có thể khiến thị trường này quá lớn và quá quan trọng để bỏ lơ. Nhưng khi nói về phân bổ tài sản, nhiều nhà đầu tư vẫn chưa đặt tỷ trọng đủ lớn của danh mục cho Trung Quốc, dù nước này được kỳ vọng sẽ vượt qua Mỹ để trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2030".

### 340 dự án đủ điều kiện đưa vào danh mục đầu tư công trung hạn 2021-2025

Tại phiên họp thứ 7, Quốc hội khóa XV ngày 19/1, Thứ trưởng Bộ kế hoạch & Đầu tư Trần Quốc Phương trình bày báo cáo bổ sung kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài từ số vốn chưa phân bổ và điều chỉnh, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025.

Thứ trưởng cho biết tổng số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải báo cáo Quốc hội cho ý kiến trước khi giao kế hoạch là hơn 639.000 tỷ đồng. Trong đó, 242.075 tỷ đồng dự kiến cho 565 dự án khởi công mới của các bộ, cơ



quan trung ương và địa phương; 296.985 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết (vốn ngân sách Trung ương trong nước là 69.643 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 90.342 tỷ đồng và vốn ngân sách địa phương là 137.000 tỷ đồng) và 100.000 tỷ đồng bố trí cho 3 chương trình mục tiêu quốc gia.

Chính phủ đã rà soát và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến. Hiện tại, 340 dự án của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giao đoạn 2021-2025. Nguồn ngân sách Trung ương trong nước là hơn 88.000 tỷ đồng (trong đó có 330 dự án thuộc danh mục Chính phủ đã báo cáo Quốc hội, còn 10 dự án chưa được báo cáo).

### **Ngân hàng chạy đua huy động vốn**

Đường đua lãi suất huy động tiết kiệm những tháng đầu năm 2022 trở nên sôi động hơn khi có thêm nhiều nhà băng công bố tăng lãi suất. Mức cao nhất trên thị trường hiện nay là 11,6%/năm thuộc về Ngân hàng (NH) TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) áp dụng đối với tháng gửi đầu tiên trong kỳ hạn 15 tháng tiết kiệm Prime Savings, cao hơn mức cũ 1%/năm.

Lãi suất những tháng sau đó quay về mức 5,8%/năm. Khách hàng tham gia chương trình này có số tiền gửi tiết kiệm từ 300 triệu đồng trở lên. Đối với khoản tiết kiệm dưới 300 triệu đồng, lãi suất tiết kiệm tháng đầu tiên của kỳ hạn 15 tháng là 11,2%/năm, tháng sau là 5,6%/năm.

Lãi suất kỳ hạn 6 tháng từ 10 - 10,6%/năm tháng đầu tiên, tháng sau giảm còn 5 - 5,3%/năm... Thông tin từ VPBank cho hay NH đang muốn huy động vốn từ sản phẩm này nên đã tăng lãi suất huy động tháng đầu tiên lên gấp đôi so với lãi suất của những kỳ hạn khác.

Trước đó, một số nhà băng cũng điều chỉnh tăng lãi huy động tiết kiệm tiền đồng từ 0,15 - 0,4%/năm. Chẳng hạn ngày 18/1, Techcombank tăng lãi suất tiết kiệm tiền đồng kỳ hạn 36 tháng 0,3 - 0,4%/năm, lên 5,2 - 5,4%/năm tùy theo khách hàng trên hay dưới 50 tuổi.

Sacombank tăng lãi suất 0,1 - 0,2%/năm, mức lãi suất cao nhất là 6,8%/năm cho kỳ hạn 36 tháng... SCB cũng vừa tăng lãi tiết kiệm thêm 0,15%/năm ở các kỳ hạn, mức lãi suất cao nhất của nhà băng này là 7%/năm ở kỳ hạn 12 tháng. Trường hợp khách hàng gửi tiết kiệm online, mức lãi suất cao nhất là 7,35%/năm.

### **Khách bay tăng mạnh, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất tăng chuyến**

Thống kê của Cục Hàng không Việt Nam cho biết, giai đoạn từ ngày 29/12/2021 đến ngày 10/1/2022, các hãng hàng không Việt Nam đã khai thác 4.480 chuyến bay, vận chuyển hơn 547.000 khách với hệ số sử dụng ghế trung bình đạt 64%.

Nhu cầu hành khách đi trên đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội và từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc trong giai đoạn này tăng mạnh trở lại với hệ số sử dụng ghế đều đạt trên 70%. Các hãng cũng đã khai thác hết số lượng chuyến bay đã được phân bổ.

Theo đó, đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội, các hãng khai thác với tổng tần suất 25 chuyến bay khứ hồi/ngày với hệ số sử dụng ghế đạt 73%.

Đường bay Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến Đắk Lắk, các hãng khai thác với tổng tần suất 9 chuyến bay khứ hồi/ngày, hệ số sử dụng ghế đạt 85%.

Các đường bay từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến Lâm Đồng, Hải Phòng, Huế, Gia Lai, Thanh Hóa, Bình Định, Quảng Nam, Quảng Bình và Nghệ An khai thác với tổng tần suất

9 chuyến bay khứ hồi/ngày, hệ số sử dụng ghế trên các đường này đều đạt trên 70% (tháng 12/2021 chỉ đạt khoảng 50-60%).

Theo báo cáo từ hệ thống đặt giữ chỗ của các hãng hàng không, tỷ lệ khách đặt giữ chỗ trên các đường bay Thành phố Hồ Chí Minh-Hà Nội và từ Thành phố Hồ Chí Minh đi/đến các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc tăng trở lại, trái ngược so với dự đoán trước đó của các hãng hàng không.

Tỷ lệ hành khách đặt giữ chỗ trên hệ thống của các hãng đều trên 50%; trong đó, có những thời điểm tỷ lệ này còn lên đến trên 90%.

Đặc biệt, chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Vinh (Nghệ An) của Vietjet Air đạt 91% vào ngày 18/1/2022 và Vietnam Airlines đạt 92% vào ngày 22/1/2022.

Chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Thanh Hóa, tỷ lệ đặt giữ chỗ của Bamboo Airways cao nhất là 87%, Vietjet Air cao nhất là 89% và Vietnam Airlines là 74% hay chặng bay Thành phố Hồ Chí Minh-Huế của Vietnam Airlines có tỷ lệ đặt giữ chỗ cao nhất đạt 77% (thời điểm ngày 6/2/2022 đạt 100%), của Vietjet Air cao nhất đạt 85%.

Với kết quả khai thác thời gian vừa qua và tỷ lệ đặt chỗ cho giai đoạn Tết Nguyên đán, có thể thấy nhu cầu đi lại của nhân dân từ Thành phố Hồ Chí Minh về các địa phương trong cả nước vào giai đoạn Tết Nguyên đán đã tăng trở lại và cần được đáp ứng”, đại diện Cục hàng không Việt Nam cho hay.

### **Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2020 vượt 6,1 triệu tấn**

Theo ước tính của liên bộ, xuất khẩu gạo năm 2020 đạt khoảng 6,15 triệu tấn, trị giá đạt khoảng 3,07 tỷ USD.

Mặc dù lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 3,5% so với năm 2019, chủ yếu vì mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nhưng trị giá xuất khẩu lại tăng tới 9,3%. Giá xuất khẩu bình quân cả năm ước đạt 499 USD/tấn, tăng 13,3% so với năm 2019.

Đây là mức giá bình quân năm cao nhất trong những năm gần đây, mang lại lợi ích to lớn cho người dân trồng lúa.

### **VNDIRECT lãi kỷ lục gần 2.200 tỷ đồng trong năm 2021, gấp 3,2 lần năm trước**

CTCK VNDIRECT (Mã chứng khoán: VND) vừa công bố báo cáo tài chính riêng Quý 4/2021 với tổng doanh thu hoạt động đạt 1.938 tỷ đồng, tăng 153% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận kế toán sau thuế đạt xấp xỉ 725 tỷ đồng, tăng 203% so với cùng kỳ năm trước.

Trong Quý 4/2021, mảng kinh doanh mang lại doanh thu cao nhất cho VNDIRECT là lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), đạt 823 tỷ đồng, gấp 2,3 lần cùng kỳ năm trước. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 544 tỷ đồng, tăng trưởng 205% so với cùng kỳ. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu và lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) lần lượt đạt 437 tỷ đồng và 83 tỷ đồng.

Về chi phí, cùng mức tăng trưởng 1.173 tỷ trong doanh thu hoạt động, chi phí hoạt động trong Quý 4/2021 cũng tăng 479 tỷ đồng so với cùng kỳ, đạt 764 tỷ đồng. Chi phí tài chính và chi phí quản lý công ty lần lượt ghi nhận 168 tỷ và hơn 95 tỷ đồng.

Lũy kế năm 2021, tổng doanh thu hoạt động riêng của VNDIRECT đạt 5.777 tỷ đồng, tăng 150% so với cùng kỳ năm trước. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty mẹ đạt 2.178 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với cùng kỳ năm trước, vượt 36% so với kế hoạch kinh doanh điều chỉnh.

### **Bamboo Capital hoàn tất phát hành 148 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên hơn 4.463 tỷ đồng**

CTCP Bamboo Capital (BCG) vừa công bố kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể, BCG đã phát hành thành công 148 triệu cổ phiếu, thu về hơn 1.785 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ lên hơn 4.463 tỷ đồng.

Cụ thể, tỷ lệ phát hành là 2:1 với giá 12.000 đồng/cp, thấp hơn so với thị giá hiện nay là 21.250 đồng/cp. Trong đợt chào bán đầu tiên, tỷ lệ cổ phiếu phát hành thành công lên đến 97,29%. Số cổ phiếu còn lại được phân phối hết trong đợt hai chiếm tỷ lệ 2,7%. Tổng số cổ phiếu đã phân phối thành công là 148,8 cổ phiếu, tương ứng 99,99% tổng số cổ phiếu chào bán.

Trong đó, nhà đầu tư trong nước nắm giữ 146,7 triệu cổ phiếu; nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là 2 triệu cổ phiếu và số cổ phiếu lẻ là 324 cổ phiếu.

Hiện, 2 cổ đông lớn vẫn là ông Nguyễn Hồ Nam (gần 79 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 17,63%) và CTCP Đầu Tư và Dịch vụ Helios (nắm giữ số lượng gần 31 triệu cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,92% vốn).

### **Thủy sản Nam Việt (ANV): Quý 4 lãi 53 tỷ đồng, giảm 39% so với cùng kỳ**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã CK: ANV) đã công bố BCTC quý 4/2021 và lũy kế cả năm 2021.

Cụ thể, riêng quý 4 doanh thu thuần đạt 1.058 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán tăng ít hơn mức tăng của doanh thu nên lãi gộp đạt 204 tỷ đồng, tăng 23% so với quý 4/2020.

Trong kỳ, Navico có hơn 14 tỷ đồng doanh thu tài chính, tăng 55% so với cùng kỳ. Đáng chú ý các chi phí phát sinh đều tăng cao, chi phí tài chính tăng 44%, chi phí bán hàng tăng 53%, chi phí QLDN cũng tăng 33%. Lãi khác cũng giảm mạnh nên kết quả LNST đạt 53 tỷ đồng giảm 39% so với quý 4/2020.

Giải trình từ phía Navico, nguyên nhân lợi nhuận giảm là do chi phí lãi vay tăng, chi phí bán hàng cũng tăng cao chủ yếu là chi phí cước tàu và chi phí vận chuyển.

Lũy kế cả năm 2021, doanh thu thuần đạt 3.494 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, LNST đạt gần 128 tỷ đồng, giảm 36,6% so với năm 2020. EPS năm 2021 đạt 1.006 đồng.

### **Bứt phá mạnh trong quý 4, C47 báo lãi năm 2021 vượt kế hoạch 40%**

CTCP Xây dựng 47 (Mã CK: C47) công bố báo cáo KQKD hợp nhất quý 4/2021 với doanh thu thuần đạt gần 184 tỷ đồng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt gần 27 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt hơn 20 tỷ đồng – tương đương 290% so với cùng kỳ năm 2020.

Lũy kế trong năm 2021, doanh thu của C47 đạt hơn 883 tỷ đồng chỉ đạt hơn 80% so với kế hoạch, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt hơn 43,6 tỷ đồng – tương ứng gần 200% so với mức lợi nhuận đạt được năm 2020 và vượt 40% so với kế hoạch được đại hội đồng cổ đông thông qua (31 tỷ đồng).

### **FPT báo lãi trước thuế 1.760 tỷ đồng trong quý IV/2021, tăng 21,6%**

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT), năm 2021, doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 35.657 tỷ đồng và 6.335 tỷ đồng, tăng 19,5% và 20,4% so với cùng kỳ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 4.346 đồng, tăng 21,4% so với cùng kỳ. Theo đó, tập đoàn đã hoàn thành 103% kế hoạch doanh thu và 102% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Tính riêng quý IV/2021, doanh thu đạt 10.700 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.760 tỷ đồng, tăng 21,6%.

### **Becamex IJC lãi quý IV/2021 giảm một nửa**

Công ty Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC, HoSE: IJC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2021 với doanh thu thuần giảm 13% xuống 262 tỷ đồng. Trong đó, kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu (43%) với hơn 141 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. Nguồn thu từ các mảng khác như bán vé cầu đường, bất động sản đầu tư, xây dựng... đều thấp hơn cùng kỳ năm ngoái.

Giá vốn tăng 57% khiến lãi gộp giảm từ gần 227 tỷ về 145 tỷ đồng. Chi phí hoạt động tài chính giảm 21% về còn 24 tỷ; ngược lại, các chi phí hoạt động như bán hàng và quản lý tăng lần lượt 7% và 29% so với cùng kỳ. Kết quả, doanh nghiệp ghi nhận lãi sau thuế giảm 54% xuống gần 67 tỷ đồng. EPS giảm 71% về 282 đồng.

Tính chung cả năm, Becamex IJC đạt doanh thu thuần 2.601 tỷ đồng, tăng 21%; lợi nhuận sau thuế tăng 68%, đạt 620,5 tỷ đồng. Năm 2021, công ty đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 3.072 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 622 tỷ đồng. Như vậy, đơn vị đã hoàn thành 85% mục tiêu doanh thu và gần 100% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm.

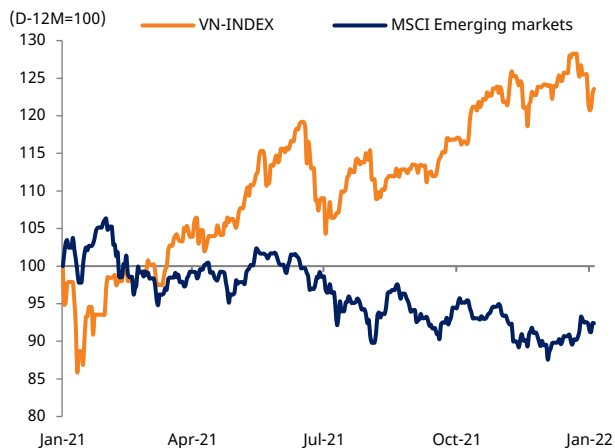
### **VIB báo lãi 2021 vượt 8.000 tỷ đồng, tăng 38%**

Kết thúc năm 2021, lợi nhuận VIB vượt 8.000 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng thu nhập hoạt động đạt gần 15.000 tỷ đồng, tăng 33% so với năm trước. Thu nhập lãi thuần đạt 12.000 tỷ đồng, tăng 39%. Tăng mạnh thu nhập lãi thuần đến từ việc mở rộng biên lãi ròng (NIM) đạt 4,4%, thông qua tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn, giảm đến 1,1% so với năm 2020. Bên cạnh đó, với thị phần hàng đầu trong nhiều mảng sản phẩm dịch vụ như bancassurance và thẻ, tỷ trọng thu nhập từ phí luôn trong nhóm đầu ngành, đóng góp gần 20% trong tổng thu nhập hoạt động.

Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản VIB ghi nhận gần 310.000 tỷ đồng, tăng 27% so với đầu năm. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt hơn 200.000 tỷ, tăng 19%. Tổng nguồn huy động đạt 280.000 tỷ đồng, tăng 27%. Riêng tiền gửi CASA tăng trưởng bứt phá 55%, chiếm tỷ trọng trên 16% tiền gửi khách hàng. Bán lẻ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 24% trong năm 2021, cho vay bán lẻ đóng góp gần 90% danh mục tín dụng trong đó 95% có tài sản đảm bảo. VIB tiếp tục khẳng định vị thế ngân hàng có tỷ trọng bán lẻ thuộc top đầu thị trường, với danh mục chất lượng cao và tăng trưởng vững mạnh.

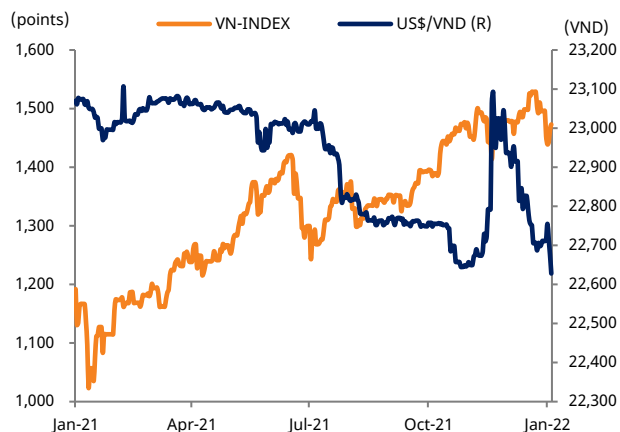
Nhờ vào sự phục hồi của nền kinh tế, cùng với việc các ngân hàng được nới hạn mức tín dụng trong giai đoạn cuối năm, đồng thời với chiến lược phát triển các sản phẩm và nền tảng số hóa mạnh mẽ, kết quả kinh doanh của ngân hàng bứt phá ấn tượng sau đại dịch, tiếp tục dẫn đầu ngành về hiệu quả hoạt động với tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 31%.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



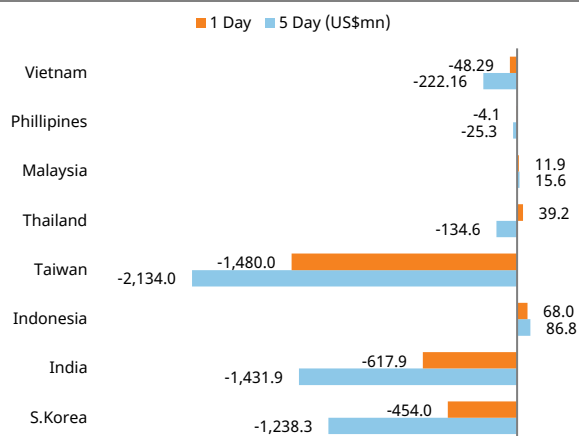
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



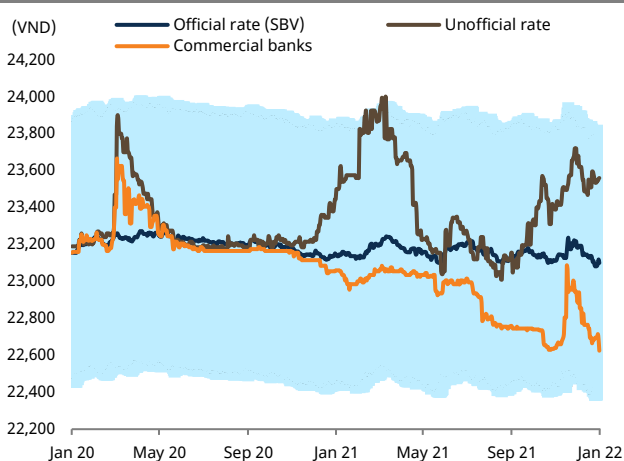
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



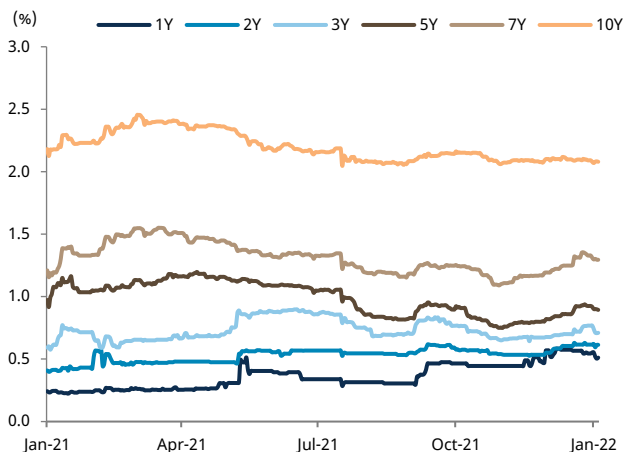
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



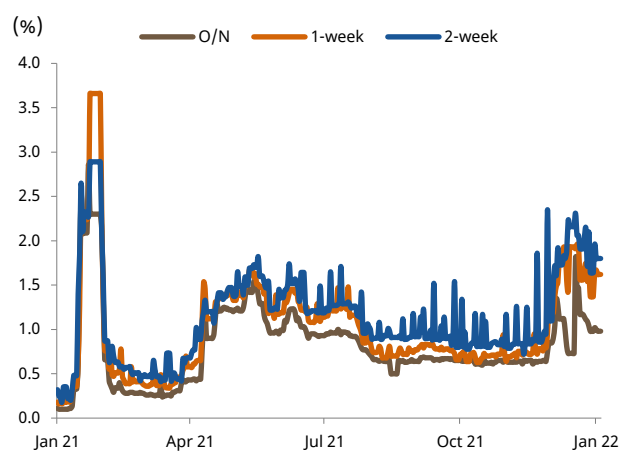
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,502.16</b>	<b>3,976,944</b>		<b>0.6</b>	<b>-1.4</b>	<b>-0.6</b>	<b>30.5</b>	<b>14.5</b>	<b>12.2</b>	<b>2.6</b>	<b>2.2</b>	<b>35.0</b>	<b>18.8</b>	<b>22.8</b>	<b>20.3</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	33,450	90,380	30.0	1.5	1.2	2.0	44.4	9.4	7.3	2.0	1.6	26.8	28.9	23.9	24.2
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	47,350	239,521	16.8	1.4	7.0	36.0	28.1	28.4	19.5	2.8	2.5	44.9	46.0	13.1	15.1
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	52,500	38,972	26.4	0.4	-3.1	-7.9	-20.1	21.1	17.7	1.8	1.7	18.6	19.0	9.1	10.1
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,550	170,844	25.7	1.3	0.3	11.1	24.0	12.8	9.0	1.8	1.5	-2.4	41.2	15.7	18.9
CTCP FPT	FPT VN	88,200	80,046	49.0	-0.7	-3.4	-7.4	54.6	18.7	15.3	4.1	3.7	31.7	22.6	24.0	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	107,400	205,558	2.8	-1.1	1.8	14.3	22.7	21.1	17.4	4.1	3.7	26.3	21.6	19.7	22.3
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	32,400	129,600	0.5	-0.3	-9.2	-14.1	1.7	28.3	25.7	#N/A	#N/A	21.4	10.2	9.4	9.9
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	29,200	58,757	17.2	1.0	-4.6	-0.7	41.5	10.2	8.8	2.0	1.6	34.5	15.4	21.4	20.4
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	43,300	193,678	23.8	-1.6	-6.4	-6.1	32.3	5.1	6.0	2.0	1.5	197.0	-14.8	45.3	29.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	50,800	32,661	32.9	-1.7	-5.0	1.2	69.3	29.9	21.6	3.3	3.1	-9.3	38.3	12.9	15.5
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	31,800	120,151	23.2	5.3	7.3	13.8	66.4	10.3	8.6	1.9	1.6	41.1	19.5	21.8	22.2
Tập đoàn Masan	MSN VN	151,000	178,261	31.6	1.2	4.3	-9.4	65.0	29.8	28.7	8.2	6.4	381.1	3.6	29.1	22.4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	133,200	94,949	49.0	-0.6	-0.6	0.2	59.8	20.6	14.8	4.7	3.8	12.1	39.1	26.6	28.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,000	154,434	7.5	-0.2	-2.4	-10.1	87.3	38.4	36.6	5.0	4.5	-6.9	5.0	13.8	13.9
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	89,800	44,251	3.0	-0.2	-2.2	-6.3	106.6	23.4	#N/A	6.3	#N/A	60.9	#N/A	30.7	#N/A
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,800	69,628	17.2	1.3	-0.4	3.4	-0.2	25.3	17.5	3.0	3.0	215.6	44.6	14.7	16.3
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,500	21,714	47.1	1.2	1.7	0.7	15.9	21.0	15.7	3.6	3.3	5.5	34.0	18.3	22.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	16,650	38,992	2.8	-2.1	-5.9	-11.0	16.0	18.1	16.1	1.2	1.2	-7.8	12.5	7.3	7.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	148,000	94,910	62.5	-1.3	-2.6	-0.6	-23.7	28.0	23.1	4.3	3.8	-25.9	20.9	17.4	19.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	44,550	43,763	38.6	-2.5	-8.5	-15.1	95.2	19.5	21.3	#N/A	#N/A	76.5	-8.4	17.7	13.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	34,600	65,228	18.2	2.4	-1.1	22.7	73.0	23.2	18.9	1.9	1.7	19.6	22.9	10.0	11.4
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	49,800	174,844	22.5	1.9	0.1	1.1	37.6	10.0	8.5	1.9	1.6	41.7	17.2	21.2	19.9
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	40,000	63,270	29.3	1.0	-4.5	3.1	89.5	12.1	10.9	2.4	1.8	30.7	11.1	22.6	20.1
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	89,200	422,140	23.6	2.4	7.0	15.1	10.5	20.9	17.1	3.7	2.9	21.8	22.4	20.3	20.5
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	79,400	345,737	23.6	1.0	-3.4	-7.7	4.3	9.9	9.7	2.8	2.2	25.7	2.2	31.6	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	95,500	363,398	13.7	0.5	-3.4	-2.7	2.2	98.1	69.0	4.0	3.7	-35.3	42.2	4.2	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	122,000	66,077	16.4	-1.3	0.0	-0.4	-6.9	410.8	35.7	#N/A	#N/A	126.7	1,051.9	1.0	10.1
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	82,600	172,630	54.5	-0.5	-2.5	-3.4	-25.1	16.9	16.0	5.2	5.0	2.2	5.8	33.0	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	34,300	152,480	15.2	1.0	-1.6	0.4	70.6	12.1	10.2	1.8	1.6	19.8	18.2	17.7	16.0
CTCP Vincom Retail	VRE VN	33,100	75,214	29.9	-1.5	-3.8	5.4	-9.6	43.5	26.7	2.5	2.3	-27.5	62.9	5.6	8.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-23.13</b>	<b>5,722,718</b>	<b>0.5</b>	<b>-1.5</b>	<b>-0.4</b>	<b>26.5</b>	<b>17.2</b>	<b>13.6</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>33.9</b>	<b>26.3</b>	<b>19.5</b>	<b>19.4</b>
Ô tô và phụ tùng	-0.07	8,875	0.2	-2.8	-7.2	25.1	5.9	5.4	1.1	1.0	28.9	9.8	10.9	11.6
Ngân hàng	10.05	1,892,364	1.9	1.9	11.0	40.1	14.2	11.2	2.2	1.8	28.8	25.1	17.5	17.7
Xây dựng cơ bản	-4.84	321,453	1.1	-5.2	-2.9	103.6	12.6	10.3	0.5	0.4	26.0	33.8	8.1	8.5
May mặc và trang sức	-0.08	48,333	-0.1	-0.4	-1.3	46.5	11.6	9.3	2.0	1.6	42.5	24.2	15.7	16.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	8,871	-0.3	-1.3	-1.9	6.3	#N/A	19.8	#N/A	#N/A	186.8	-126.8	-8.8	2.6
Dịch vụ tài chính	-3.61	161,440	-2.1	-7.6	-17.5	124.2	5.5	6.0	#N/A	#N/A	76.5	-8.4	15.7	7.6
Năng lượng	0.06	95,303	1.0	0.4	5.5	10.3	49.5	17.7	2.5	2.4	160.2	129.2	11.9	13.8
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.88	579,496	0.0	-0.4	-4.7	14.4	21.3	18.4	4.9	4.1	132.4	8.3	23.0	21.2
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.07	3,766	-0.4	-6.5	-9.3	72.6	12.3	#N/A	#N/A	#N/A	-17.8	#N/A	10.0	#N/A
Bảo hiểm	-0.54	52,056	0.6	-3.7	-8.6	-5.4	17.3	14.6	1.5	1.4	19.9	18.7	7.6	8.6
Nguyên vật liệu	-8.08	499,610	-1.0	-5.5	-8.7	42.8	11.9	11.5	1.2	0.8	120.8	-3.9	27.1	19.5
Dược phẩm	-0.18	31,637	-0.5	-2.0	-10.4	10.1	11.4	10.0	1.8	1.2	26.4	17.6	13.6	14.3
Bất động sản	-12.79	1,314,123	0.3	-3.5	-4.0	31.2	61.6	27.6	2.7	2.4	-2.7	27.4	12.8	12.9
Bán lẻ	-0.19	109,402	-0.7	-0.6	-0.8	64.0	19.5	14.2	4.4	3.5	83.8	38.8	24.3	26.2
Phần mềm và dịch vụ	-0.76	86,647	-0.6	-3.2	-7.5	54.7	17.4	14.2	3.8	3.4	31.7	22.6	22.2	23.3
Thiết bị và phần cứng	-0.65	8,433	-6.9	-22.4	-21.9	148.1	16.1	11.5	5.2	3.7	91.3	39.3	25.2	25.0
Vận tải	-1.02	193,427	0.1	-1.9	-3.5	14.9	79.6	80.0	0.5	0.5	68.1	476.6	-179.5	65.3
Tiện ích	-0.02	312,359	-1.0	0.1	7.8	21.5	17.8	14.5	3.0	2.7	23.2	20.0	14.8	16.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	89,200	7.0	2,107,300	7.3
BID VN	47,350	7.0	5,154,200	4.2
MBB VN	31,800	7.3	24,544,360	2.2
MSN VN	151,000	4.3	943,080	1.9
GAS VN	107,400	1.8	965,680	1.0
ACB VN	33,450	1.2	4,296,240	0.3
PVD VN	33,850	7.8	11,816,100	0.3
DPM VN	42,800	6.5	3,134,400	0.3
SSB VN	39,250	1.2	2,105,640	0.2
DGC VN	148,000	2.7	774,760	0.2

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	32,400	-9.2	2,466,840	-3.5
HPG VN	43,300	-6.4	18,350,240	-3.5
VIC VN	95,500	-3.4	2,404,540	-3.4
VHM VN	79,400	-3.4	5,679,320	-3.2
SHB VN	20,600	-8.4	9,182,720	-1.3
GEX VN	38,350	-13.0	18,962,140	-1.3
VNM VN	82,600	-2.5	1,806,100	-1.2
SSI VN	44,550	-8.5	15,401,520	-1.1
NVL VN	80,000	-2.4	2,792,760	-1.0
DIG VN	89,100	-7.8	6,209,580	-1.0

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.